



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Annual Report 2019

MỤC LỤC

INDEX

03	Khái quát về Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Overview of Vietnam development bank	28
05	Tình hình kinh tế xã hội năm 2019	Socio-economic situation in 2019	30
06	Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 của NHPT	VDB's performance in 2019	31
07	Cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự	Organizational structure, human resources	32
08	Hệ thống mạng lưới các đơn vị trực thuộc NHPT	Vietnam development bank's branches network	33
16	Bảng cân đối kế toán	Balance sheet	41
17	Báo cáo kết quả hoạt động	Income Statement	42
18	Chú thích tài chính	Financial notes	43



KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1.1. Ngày 19/5/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) trên cơ sở tổ chức lại hệ thống Quỹ Hỗ trợ Phát triển để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước với thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành. Cùng thời điểm đó, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 110/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT. Tiếp đó, ngày 30/3/2007, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với NHPT.

1.2. Ngày 03/9/2015, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1515/QĐ-TTg ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT, theo đó:

- NHPT là ngân hàng chính sách, hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- NHPT có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam; có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài, được tham gia hệ thống thanh toán với các ngân hàng và cung cấp dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

- Nhà nước là chủ sở hữu của NHPT. Chính phủ thống nhất quản lý thực hiện quyền, nhiệm vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với NHPT. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo phân công của Chính phủ hoặc ủy quyền cho Bộ Tài chính. Bộ Tài chính thực hiện một số quyền, nhiệm vụ của chủ sở hữu theo phân công của Chính phủ hoặc theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Điều lệ này. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại NHPT, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của NHPT theo phân cấp quy định tại Điều lệ này.

- Người đại diện theo pháp luật của NHPT là Tổng giám đốc.

- NHPT hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện nhiệm vụ tín dụng chính sách của Nhà nước và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán, được miễn nộp thuế và các



khoản nộp ngân sách nhà nước. NHPT được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm) và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

- Vốn điều lệ của NHPT là 30.000 tỷ đồng (ba mươi nghìn tỷ đồng). Việc thay đổi mức vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn của NHPT trong từng thời kỳ.

- NHPT có thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập NHPT có hiệu lực.

2. Chức năng và nhiệm vụ của NHPT

Theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, NHPT có chức năng, nhiệm vụ như sau:

2.1. Hoạt động huy động vốn:

- a) Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật;
- b) Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam của NHPT theo quy định của pháp luật;
- c) Vay Bảo hiểm xã hội Việt Nam; vay của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- d) Vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- đ) Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức trong nước và nước ngoài;
- e) Huy động các nguồn vốn khác phù hợp quy định của pháp luật.

2.2. Hoạt động tín dụng:

- a) Cho vay theo chính sách tín dụng của Nhà nước; cho vay các chương trình, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;
- b) Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ;
- d) Cho vay vốn ngắn hạn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ với nguyên tắc ngân sách nhà nước không cấp bù chênh lệch lãi suất.

2.3. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác:

- a) Nhận ủy thác huy động vốn, ủy thác cho vay theo quy định của pháp luật;

b) Nhận ủy thác điều hành hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa và quỹ tài chính địa phương theo mục tiêu phát triển của địa phương;

c) Ủy thác cho các tổ chức tín dụng thực hiện một số hoạt động của NHPT theo quy định của pháp luật;

d) Ủy thác, nhận ủy thác cung ứng các dịch vụ tài chính, ngân hàng cho khách hàng theo quy định của pháp luật.

2.4. Tham gia thị trường liên ngân hàng; tổ chức thanh toán nội bộ; cung cấp các dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngoại hối và các dịch vụ ngân hàng khác cho khách hàng; thực hiện hoạt động ngoại hối; tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.



TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Mức tăng trưởng tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017.

Hoạt động ngân hàng: Tính đến quý IV năm 2019, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,1% so với cuối năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 tăng 11,3%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,5% (cùng kỳ năm 2018 tăng 11,5%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tăng 12,1% (cùng kỳ năm 2018 tăng 13,3%).

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cơ bản ổn định. Mặt bằng lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,3%-5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2019 CỦA NHPT

1. Về huy động nguồn vốn

Trong năm 2019, NHPT đã huy động được 15.490 tỷ đồng vốn có kỳ hạn; trong đó phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh là 13.797 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao. NHPT đã đảm bảo đủ nhu cầu sử dụng vốn trong năm và đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn.

2. Hoạt động tín dụng đầu tư

Số vốn giải ngân trong năm 2019 là 1.392 tỷ đồng cho các dự án chuyên tiếp. Thu nợ gốc trong năm 2019 là 11.365 tỷ đồng, thu nợ lãi là 3.364 tỷ đồng. Dư nợ tại thời điểm 31/12/2019 là 71.552 tỷ đồng.

3. Hoạt động tín dụng xuất khẩu

NHPT đã dừng hoàn toàn việc cho vay vốn tín dụng xuất khẩu theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Thu nợ gốc trong năm 2019 là 177 tỷ đồng, thu nợ lãi là 41,3 tỷ đồng. Dư nợ tại thời điểm 31/12/2019 là 3.442 tỷ đồng.

4. Vốn nước ngoài cho vay lại qua NHPT và cho vay vốn của Chính phủ Việt Nam ra nước ngoài

Trong năm 2019, Bộ Tài chính và NHPT đã ký 04 Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn vay nước ngoài với trị giá 149,12 triệu USD và 7,62 triệu EUR, tương đương khoảng 3.600 tỷ đồng.

NHPT đã giải ngân 17.497 tỷ đồng trong năm 2019. Thu nợ gốc là 13.716,4 tỷ đồng; thu nợ lãi và phí thu hộ: 4.047,4 tỷ đồng; thu phí quản lý cho vay lại Bộ Tài chính là 119,5 tỷ đồng; thu phí quản lý cho vay lại NHPT (gồm cả phí trích tại Trụ sở chính) là 317 tỷ đồng. Dư nợ tại thời điểm 31/12/2019 là 157.517 tỷ đồng.

5. Về cấp hỗ trợ sau đầu tư và quản lý vốn ủy thác

- Hỗ trợ sau đầu tư: Lũy kế số tiền thực cấp đến 31/12/2019 là 528,5 tỷ đồng.
- Cho vay vốn nhận ủy thác: Thu nợ gốc 13,2 tỷ đồng; Thu phí cho vay ủy thác 1,8 tỷ đồng; Dư nợ tại thời điểm 31/12/2019 là 388 tỷ đồng.
- Thanh toán vốn đầu tư nhận ủy thác: Tổng số thanh toán vốn ủy thác thực cấp từ đầu năm đến 31/12/2019 là 495 tỷ đồng. Phí ủy thác đã thu từ đầu năm: 0,6 tỷ đồng.

- Quản lý, kiểm soát thanh toán vốn Dự án Thủy điện Sơn La: Số thực cấp cho dự án Di dân, tái định cư thủy điện Sơn La trong năm 2019 là 21,7 tỷ đồng (lũy kế thanh toán từ khi khởi công đến 31/12/2019 là 25.158 tỷ đồng).

6. Về bảo lãnh doanh nghiệp vay vốn ngân hàng thương mại

NHPT đã dừng việc ký kết, phát hành chứng thư bảo lãnh mới theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đến 31/12/2019, số chứng thư bảo lãnh còn hiệu lực là 46 chứng thư với giá trị cam kết 822,5 tỷ đồng; dư nợ gốc tại ngân hàng thương mại là 441,6 tỷ đồng; nợ lãi tại ngân hàng thương mại là 478,6 tỷ đồng.

Trong năm 2019, NHPT đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền 156 tỷ đồng. Thu nợ gốc nợ bắt buộc trong năm 2019 là 53 tỷ đồng. Thu nợ lãi nợ bắt buộc là 0,2 tỷ đồng. Dư nợ bắt buộc tại thời điểm 31/12/2019 là 751 tỷ đồng.



CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ

1. Mô hình tổ chức:



2. Nhân sự

2.1. Hội đồng quản trị

Đến thời điểm 31/12/2019, Hội đồng quản trị của NHPT có 04 người, trong đó: 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị và 03 Thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm: Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị). Cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Lương Hải Sinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Đào Quang Trường	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
3	Ông Nguyễn Chính Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Phạm Dương Linh	Thành viên Hội đồng quản trị

2.2. Ban Điều hành

Đến thời điểm 31/12/2019, Ban Điều hành chỉ có 01 người: Ông Đào Quang Trường Tổng Giám đốc.



HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NHPT

1	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV ĐỒNG THÁP - AN GIANG
	Địa chỉ: 83 Nguyễn Huệ - Phường Mỹ Long - Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang
	Điện thoại: 0763 846220 Fax: 0763 846223
1.1	PHÒNG GIAO DỊCH ĐỒNG THÁP
	Địa chỉ: 48 Nguyễn Quang Diệu - Phường 1- TP. Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp
	Điện thoại: 067 3852472 Fax: 067 3852477

2	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÀ RỊA - VŨNG TÀU
	Địa chỉ: 211 Lê Hồng Phong - Phường 8 - Thành phố Vũng Tàu - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
	Điện thoại: 064 3857091 Fax: 064 3854676
3	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV BẮC KẠN - THÁI NGUYÊN
	Địa chỉ: 16 Đường Nha Trang - Phường Trung Vương - Thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên
	Điện thoại: 0280 3657368 - 0280 3657968 Fax: 0280 3852866
3.1	PHÒNG GIAO DỊCH BẮC KẠN
	Địa chỉ: Số 2, đường Hùng Vương, tổ 4, phường Đức Xuân, Bắc Kạn - Tỉnh Bắc Kạn
	Điện thoại: 0281 3870008 Fax: 02813 870 628
4	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BẮC GIANG
	Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Lưu - Thành phố Bắc Giang - tỉnh Bắc Giang
	Điện thoại: 0240 3856211 Fax: 0240 3857011
5	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV SÔNG TIỀN
	Địa chỉ: 172 Hùng Vương - Phường 3 - Thành Phố Bến Tre - tỉnh Bến Tre
	Điện thoại: 075 3826056 Fax: 075 3803358
5.1	PHÒNG GIAO DỊCH TRÀ VINH
	Địa chỉ: 7A Trưng Nữ Vương - Phường I - Thành phố Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh
	Điện thoại: 074 3854007 Fax: 074 3854076
5.2	PHÒNG GIAO DỊCH TIỀN GIANG
	Địa chỉ: 19 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường 4 - Thành phố Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang
	Điện thoại: 073 2210629 Fax: 073 3875542
6	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV BÌNH DƯƠNG - BÌNH PHƯỚC
	Địa chỉ: 189 Đại lộ Bình Dương - Phường Phú Thọ- Thị xã Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương
	Điện thoại: 0650 3823946 Fax: 0650 3823695

6.1	PHÒNG GIAO DỊCH BÌNH PHƯỚC
	Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh - Phường Tân Phú - Thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước
	Điện thoại: 0651 3870206 Fax: 0651 3879460
7	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH ĐỊNH
	Địa chỉ: 06 đường Lê Duẩn - Thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định
	Điện thoại: 056 3520719 Fax: 056 3520709
8	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH THUẬN
	Địa chỉ: 12 Nguyễn Tất Thành - Phường Bình Hưng - Thành phố Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận
	Điện thoại: 062 3824 719 Fax: 062 3833451
9	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT CAO BẰNG
	Địa chỉ: 32Phố Xuân Trường - Phường Hợp Giang - Thị xã Cao Bằng - tỉnh Cao Bằng
	Điện thoại: 026 3853673 Fax: 026 3853069
10	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV CẦN THƠ
	Địa chỉ: 01 Hai Bà Trưng - Quận Ninh Kiều - Thành phố Cần Thơ
	Điện thoại: 0710 3821769 Fax: 0710 3821778
10.1	PHÒNG GIAO DỊCH VĨNH LONG
	Địa chỉ: 8 Hưng Đạo Vương - Phường 1 - Thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long
	Điện thoại: 070 3824262 Fax : 070 3824425
11	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV ĐĂKLĂK - ĐĂKNÔNG
	Địa chỉ: 15 Đường Trường Chinh - TP Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk
	Điện thoại: 0500 3956365 Fax: 0500 3955675
12	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐIỆN BIÊN
	Địa chỉ: 908 - Đường 7/5 - Phường Mường Thanh - Thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên
	Điện thoại: 0230 3827385 Fax: 0230 3825801

13	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐỒNG NAI
	Địa chỉ: Đường Nguyễn Ái Quốc - Phường Quang Vinh - Thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai
	Điện thoại: 061 3828558 Fax: 061 3826288
14	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT GIA LAI
	Địa chỉ: 02A Hoàng Hoa Thám - Thành phố Pleiku - Tỉnh Gialai
	Điện thoại: 059 3821390 Fax : 059 3822505
15	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HÀ GIANG
	Địa chỉ: 10 Đường Bạch Đằng - Phường Nguyễn Trãi - Thị xã Hà Giang - tỉnh Hà Giang
	Điện thoại: 0219 3866958 Fax: 0219 3866958
16	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HÀ TĨNH
	Địa chỉ: Đại Lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh
	Điện thoại: 039 3857273 Fax: 039 3856575
17	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV HẢI DƯƠNG - HƯNG YÊN
	Địa chỉ: 7 Đường Hồng Quang - Phường Nguyễn Trãi - Thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương
	Điện thoại: 0320 3856114 Fax: 0320 3857771
17.1	PHÒNG GIAO DỊCH HƯNG YÊN
	Địa chỉ: 07 Chu Mạnh Trinh - Phường Hiến Nam - Thành phố Hưng Yên - tỉnh Hưng Yên
	Điện thoại: 0321 3551089 Fax: 0321 3862798
18	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV ĐÔNG BẮC
	Địa chỉ: 47A Lương Khánh Thiện - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng
	Điện thoại: 031 3921710 Fax: 031 3921201
18.1	PHÒNG GIAO DỊCH QUẢNG NINH
	Địa chỉ: 03 đường Đông Hồ - Thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh
	Điện thoại: 033 3828050 Fax: 033 3828174

19	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV KHÁNH HÒA - NINH THUẬN
	Địa chỉ: 65 Yersin - Thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa
	Điện thoại: 058 3825091 Fax: 058 3825435
19.1	PHÒNG GIAO DỊCH NINH THUẬN
	Địa chỉ: 28 Đường 16 tháng 4 - Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm - tỉnh Ninh Thuận
	Điện thoại: 068 3824540 Fax: 068 3824569
20	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KIÊN GIANG
	Địa chỉ: 321 Đường 3 tháng 2 - Phường Vĩnh Lạc - Thành Phố Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang
	Điện thoại: 077 3863637 Fax: 077 3868165
21	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KON TUM
	Địa chỉ: 84B - Phan Chu Trinh - Thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum
	Điện thoại: 060 3862906 Fax: 060 3863890
22	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LAI CHÂU
	Địa chỉ: Phường Quyết Thắng - Thị xã Lai Châu - tỉnh Lai Châu
	Điện thoại: 0231 3875408 Fax: 0231 3876769
23	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LÂM ĐỒNG
	Địa chỉ: 2A Lê Hồng Phong - Phường 4 - Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng
	Điện thoại: 063 3825356 Fax: 063 3825983
24	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LẠNG SƠN
	Địa chỉ: 53 Đường Lê Lợi - Phường Vĩnh Trại - Thành phố Lạng Sơn - tỉnh Lạng Sơn
	Điện thoại: 025 3872196 Fax: 025 3873010
25	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LÀO CAI
	Địa chỉ: Đường 1/5 - Phường Nam Cường - Thành phố Lào Cai - tỉnh Lào Cai
	Điện thoại: 020 3825161 Fax: 020 3820576

26	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV MINH HẢI
	Địa chỉ: 07 - Đường An Dương Vương - Phường 7 - Thành phố Cà Mau - tỉnh Cà Mau
	Điện thoại: 0780 3836018 Fax: 0780 3836016
26.1	PHÒNG GIAO DỊCH BẠC LIÊU
	Địa chỉ: 175 Đường Trần Quỳnh - Phường 1 - Thành phố Bạc Liêu - tỉnh Bạc Liêu
	Điện thoại: 0781 3820328 Fax: 0781 3823960
27	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV NAM ĐỊNH - HÀ NAM
	Địa chỉ: 151 Đường Bắc Ninh -Phường Nguyễn Du- Thành phố Nam Định - tỉnh Nam Định
	Điện thoại: 0350 3846862 Fax: 0350 3844033
27.1	PHÒNG GIAO DỊCH HÀ NAM
	Địa chỉ: 03 Đường Trần Phú - Phường Quang Trung - Thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam
	Điện thoại: 0351 3852095 Fax: 0351 3854130
28	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NGHỆ AN
	Địa chỉ: 45 Đường Duy Tân - Phường Hưng Phúc - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An
	Điện thoại: 038 3840668 Fax: 038 3846228
29	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NINH BÌNH
	Địa chỉ: 05 - Lê Hồng Phong - Vân Giang - Thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình
	Điện thoại: 030 3872 624 Fax: 030 3873 066
30	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT PHÚ THỌ
	Địa chỉ: 1500 - Hùng Vương - Phường Gia Cẩm - Thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.
	Điện thoại: 0210 3845227 Fax: 0210 3848700
31	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT PHÚ YÊN
	Địa chỉ: 337 Lê Duẩn - Phường 7 - Thành phố Tuy Hòa - tỉnh Phú Yên
	Điện thoại: 057 3842454 Fax: 057 3841056

32	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG BÌNH
	Địa chỉ: 02 Trần Hưng Đạo - Thành phố Đồng Hới - tỉnh Quảng Bình
	Điện thoại: 052 3822003 Fax: 052 3822338
33	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
	Địa chỉ: 74 - Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
	Điện thoại: 0511 3834265 Fax: 0511 3830577
33.1	PHÒNG GIAO DỊCH QUẢNG NAM
	Địa chỉ: 13 Trần Hưng Đạo - Thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam
	Điện thoại: 0510 3852926 Fax: 0510 3852296
34	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG NGÃI
	Địa chỉ: 29 Hai Bà Trưng - Thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi
	Điện thoại: 055 3828528 Fax: 055 3820533
35	TÊN ĐƠN VỊ: SỞ GIAO DỊCH I
	Địa chỉ: 185A Giảng Võ - Phường Cát Linh - Quận Đống Đa - Hà Nội
	Điện thoại: 04 39427908 Fax: 04 39427900
35.1	PHÒNG GIAO DỊCH VĨNH PHÚC
	Địa chỉ: 10 Đường Kim Ngọc - Thành phố Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc
	Điện thoại: 0211 3860 591 Fax: 0211 3861 163
35.2	PHÒNG GIAO DỊCH HÒA BÌNH
	Địa chỉ: Phường Đồng Tiến - Thành phố Hòa Bình - tỉnh Hòa Bình
	Điện thoại: 0218 3856 600 Fax: 0218 3856 604
35.3	PHÒNG GIAO DỊCH BẮC NINH
	Địa chỉ: 02 Nguyễn Đăng Đạo - Phường Tiền An - Thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
	Điện thoại: 0241 3822024 Fax: 0241 3822625
36	TÊN ĐƠN VỊ: SỞ GIAO DỊCH II
	Địa chỉ: 229 Đồng khởi - Phường Bến Nghé - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
	Điện thoại: 083 8250063 Fax: 083 8245811

36.1	PHÒNG GIAO DỊCH TÂY NINH
	Địa chỉ: 385 Đường 30/4 - Phường I - Thị Xã Tây Ninh - tỉnh Tây Ninh
	Điện thoại: 066 3810851 Fax: 066 3827088
37	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT SÓC TRĂNG
	Địa chỉ: 16 Trần Hưng Đạo - Phường 2 - Thành phố Sóc Trăng - tỉnh Sóc Trăng
	Điện thoại: 079 3822618 Fax: 079 3820778
38	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT SƠN LA
	Địa chỉ: 56B - Đường Lò Văn Giá - Thành Phố Sơn La - tỉnh Sơn La
	Điện thoại: 022 3852 861 Fax: 022 3853 060
39	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT THÁI BÌNH
	Địa chỉ: 5 Phố Lê Lợi - Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Thái Bình - tỉnh Thái Bình
	Điện thoại: 036 3734426 Fax: 036 3734840
40	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT THANH HOÁ
	Địa chỉ: 44A Đại lộ Lê Lợi - Phường Tân Sơn - Thành phố Thanh Hóa - tỉnh Thanh Hóa
	Điện thoại: 037 3853098 Fax: 037 3854048
41	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KV THỪA THIÊN HUẾ - QUẢNG TRỊ
	Địa chỉ: 02 Nguyễn Thị Minh Khai - Thành Phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế
	Điện thoại: 054 3828526 Fax: 054 3828527
41.1	PHÒNG GIAO DỊCH QUẢNG TRỊ
	Địa chỉ: 184 Đường Trần Hưng Đạo - Thành Phố Đông Hà - tỉnh Quảng Trị
	Điện thoại: 053 3851857 - 053 3854707 Fax: 053 3851085
42	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TUYỀN QUANG
	Địa chỉ: 258 Đường Tân Trào - Phường Minh Xuân - Thị xã Tuyên Quang - tỉnh Tuyên Quang
	Điện thoại: 027 3821382 Fax: 027 3821461
43	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT YÊN BÁI
	Địa chỉ: 1026 Đường Điện Biên - Phường Đồng Tâm - Thành phố Yên Bái - tỉnh Yên Bái
	Điện thoại: 029 3853158 Fax: 029 3851319

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

DVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2018	2019
A - TÀI SẢN			
Tiền mặt	1	6.941	2.405
Tiền gửi	2	18.321.378	9.103.742
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	3	253.555.292	254.521.567
Các khoản phải thu	4	14.716.943	15.743.055
Tài sản cố định	5	2.988.888	3.193.821
Tài sản Có khác	6	3.784.207	3.791.139
Tổng Tài sản		293.373.649	286.355.729
B - NGUỒN VỐN			
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	7	1.574.289	1.040.950
Tiền gửi của TCKT, khách hàng	8	1.262.712	1.229.580
Vay NSNN, TCTC, TCTD	9	12.441.003	6.576.498
Vốn uỷ thác đầu tư	10	136.032.164	138.507.371
Phát hành giấy tờ có giá	11	118.406.565	107.524.300
Các khoản phải trả, phải nộp	12	1.782.129	10.699.522
Tài sản Nợ khác	13	5.937.780	5.910.401
Vốn, quỹ của NHPT	14-16	15.937.007	14.867.107
Tổng Nguồn vốn		293.373.649	286.355.729

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

DVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2018	2019
Thu lãi cho vay	17	6.057.428	5.457.996
Thu lãi tiền gửi	18	221.727	263.949
Thu ngoài lãi	19	4.065.673	3.975.467
Tổng thu nhập		10.344.828	9.697.412
Chi trả lãi tiền vay	20	392.942	545.794
Chi trả lãi tiền gửi	21	273.699	180.376
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	22	9.670.527	8.841.132
Chi ngoài lãi	23	874.233	900.276
Tổng chi phí		11.211.401	10.467.578

CHÚ THÍCH TÀI CHÍNH

1. Tiền mặt

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Tiền mặt	6.941	2.405
Tiền mặt tại quỹ	6.941	2.405

2. Tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Tiền gửi	18.321.378	9.103.742
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	289.278	75.857
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	18.032.100	9.027.885
+ Tiền gửi không kỳ hạn	585.861	707.993
+ Tiền gửi có kỳ hạn	17.446.239	8.319.892

3. Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	253.555.292	254.521.567
Cho vay tín dụng xuất khẩu	3.619.262	3.441.925
Trong đó:		
+ Quá hạn	3.619.262	3.441.925
+ Khoanh nợ	0	0
Cho vay trung, dài hạn tín dụng đầu tư	76.589.824	67.462.740
Trong đó:		
+ Quá hạn	11.283.245	15.898.487
+ Khoanh nợ	1.547.185	289.223
Cho vay nhà nhập khẩu		
Trong đó:		
+ Quá hạn		
+ Khoanh nợ		
Cho vay lại vốn ODA	136.170.941	146.705.298
Trong đó:		
+ Quá hạn	2.208.522	5.937.308
+ Khoanh nợ	15.000	13.172
Cho vay khác	36.535.496	36.161.035
Trong đó:		
+ Quá hạn	41.713	41.479
+ Khoanh nợ		
Bảo lãnh, tái bảo lãnh	639.768	750.569

4. Các khoản phải thu

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Các khoản phải thu	14.716.942	15.743.055
Nợ phải thu	13.981.558	15.143.786
+ Chờ NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý	13.537.406	14.682.979
+ Phải thu khác	442.304	458.934
+ Tạm ứng	1.848	1.873
Phải thu trong hoạt động thanh toán (gồm: số chờ ghi thu ghi chi...)	735.384	599.269

5. Tài sản cố định

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Tài sản cố định	2.988.888	3.193.821
Tài sản cố định hữu hình	678.069	625.449
Nguyên giá	1.739.735	1.733.881
Hao mòn lũy kế	(1.061.666)	(1.108.432)
Tài sản cố định vô hình	2.310.819	2.568.372
Nguyên giá	2.370.307	2.633.332
Hao mòn lũy kế	(59.488)	(64.960)

6. Tài sản Có khác

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Tài sản Có khác	3.784.207	3.791.139
+ Vật liệu, dụng cụ	153	199
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	79.322	89.954
+ Chi phí trả trước	10.857	7.941
+ Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.690.877	3.691.207
+ Tài sản Có khác	2.998	1.838

7. Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	1.574.289	1.040.950
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD bằng VNĐ	1.574.289	1.040.950

8. Tiền gửi của khách hàng

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Tiền gửi của khách hàng	1.262.711	1.229.580
Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn của khách hàng	1.261.390	1.228.108
+ Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng VNĐ	1.261.372	1.228.106
+ Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng ngoại tệ	18	2
+ Tiền gửi của khách hàng nước ngoài bằng ngoại tệ	0	0
Tiền gửi ký quỹ	1.321	1.472

9. Vay NSNN, TCTC, TCTD

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Vay NSNN, TCTC, TCTD	12.441.003	6.576.498
Vay Ngân sách nhà nước	1.950.344	1.800.289
Vay TCTC, TCTD trong nước	5.000.000	0
Vay TCTC, TCTD ở nước ngoài	5.490.659	4.776.209

10. Vốn uỷ thác đầu tư

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Vốn uỷ thác đầu tư	136.032.164	138.507.371
Nhận vốn ODA cho vay lại	135.704.209	137.810.392
Vốn uỷ thác hỗ trợ sau đầu tư	(1.932)	(1.848)
+ Vốn được uỷ thác	528.528	526.604
+ Cấp hỗ trợ sau đầu tư	(530.460)	(528.452)
Vốn uỷ thác cấp phát	287.340	265.615
+ Vốn được uỷ thác	31.890.477	31.536.753
+ Cấp phát uỷ thác	(31.603.137)	(31.271.138)
Vốn uỷ thác cho vay	42.547	433.212
+ Vốn được uỷ thác	14.588.933	10.341.298
+ Cho vay uỷ thác	(14.546.386)	(9.908.086)

11. Phát hành giấy tờ có giá

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Phát hành giấy tờ có giá	118.406.565	107.524.300
Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng VNĐ	118.406.565	107.524.300
Mệnh giá trái phiếu	118.406.565	107.524.300
Phụ trội trái phiếu		
Chiết khấu trái phiếu		
Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng ngoại tệ		
Mệnh giá trái phiếu		
Phụ trội trái phiếu		
Chiết khấu trái phiếu		

12. Các khoản phải trả, phải nộp

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Các khoản phải trả, phải nộp	1.782.128	10.699.522
Nợ phải trả	860.426	875.216
+ Phải trả lãi, phí vốn nhận uỷ thác cho vay	482.192	504.818
+ Phải trả người bán	14.057	19.061
+ Phải trả cán bộ nhân viên	113.071	155.600
+ Phải nộp Nhà nước	7.025	2.744
+ Phải trả, phải nộp khác	244.081	192.993
Phải trả trong hoạt động thanh toán	921.702	9.824.306

13. Tài sản Nợ khác

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Tài sản Nợ khác	5.937.780	5.910.401
+ Tiền giữ hộ chờ thanh toán	30.740	59
+ Quỹ dự phòng rủi ro	5.790.182	5.793.024
+ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	101.834	105.240
+ Tài sản nợ khác	15.024	12.078

14. Vốn của NHPT

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Vốn của NHPT	19.190.008	19.455.631
Vốn điều lệ	15.085.956	15.085.956
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	21.757	21.405
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.082.294	4.348.270

15. Quỹ của NHPT

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Quỹ của NHPT	1.620.134	1.600.876
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0	0
Quỹ đầu tư phát triển	1.620.134	1.600.876
Quỹ khác	0	0

16. Kết quả hoạt động chưa phân phối

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Kết quả hoạt động chưa phân phối	(4.873.135)	(6.189.400)
Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ trước	(4.006.563)	(5.419.234)
Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ này	(866.572)	(770.166)

17. Thu lãi cho vay

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Thu lãi cho vay	6.057.428	5.457.996
Thu lãi cho vay tín dụng xuất khẩu	114.189	41.304
Thu lãi cho vay tín dụng đầu tư	3.715.690	2.911.111
Thu lãi các hoạt động cho vay khác	2.227.549	2.505.581

18. Thu lãi tiền gửi

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2018	2019
Thu lãi tiền gửi	221.727	263.949
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.043	4.568
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	215.684	259.381